

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2026/HNGĐ-ST

Ngày 30-7-2026

V/v Không công nhận quan hệ vợ
chồng, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Thế Chiến.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Bà Triệu Thị Liên

2. Ông Nguyễn Tiến Hợp

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Thảo Thị Ly - Thư ký viên Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 151/2026/TLST-HNGĐ ngày 11/6/2026 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/7/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn C, xã P, tỉnh Tuyên Quang. Căn cước công dân số 002183007423, cấp ngày 20/10/2025. Vắng mặt có lý do.

Bị đơn: Anh Vàng Đức H1, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn C, xã P, tỉnh Tuyên Quang. Căn cước công dân số 002077004390 cấp ngày 25/6/2021. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Vàng Đức H1 xây dựng gia đình, tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, tuy nhiên chị H và anh H1 không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Chị H và anh H1 chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không có tiếng nói chung, cãi nhau liên tục dẫn đến tình cảm rạn nứt, không ở được với

nhau. Chị H1 đã sống ly thân với anh H1 từ năm 2017 cho đến nay không còn ai quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay chị Hoàng Thị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án nhân dân Khu vực 6 – Tuyên Quang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vàng Đức H1 để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Hoàng Thị H và anh Vàng Đức H1 có 03 con chung là cháu Vàng Thị L, sinh năm 1999, cháu Vàng Thị V, sinh năm 2002 và cháu Vàng Vũ H2, sinh ngày 03/03/2011. Hiện tại cháu L và cháu V đã trưởng thành, có gia đình riêng, không có nhược điểm gì về thể chất và trí tuệ nên chị H không yêu cầu Toà án giải quyết. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng để cho anh Vàng Đức H1 là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Vàng Vũ H2 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Hoàng Thị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Bị đơn anh Vàng Đức H1 trình bày tại Bản tự khai như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Vàng Đức H1 và chị Hoàng Thị H qua thời gian tìm hiểu đã tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999. Tuy nhiên anh chị không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã theo đúng quy định của pháp luật. Anh H1 và chị H chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra việc cãi chửi nhau, xúc phạm danh dự nhân phẩm của nhau. Anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Anh H1 và chị H đã không còn tình cảm từ lâu, hôn nhân không hạnh phúc, nay chị H có đơn đề nghị Toà án giải quyết ly hôn thì quan điểm của anh Vàng Đức H1 là nhất trí ly hôn với chị Hoàng Thị H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh Vàng Đức H1 và chị Hoàng Thị H có 03 con chung là cháu Vàng Thị L, sinh năm 1999, cháu Vàng Thị V, sinh năm 2002, cháu Vàng Vũ H2, sinh ngày 03/03/2011. Hiện tại cháu L và cháu V đã trưởng thành, không có nhược điểm gì về thể chất và trí tuệ và có cuộc sống riêng nên anh H1 không yêu cầu Toà án giải quyết. Đối với cháu Vàng Vũ H2, khi ly hôn anh H1 có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng cháu V1 Vũ Huy cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Vàng Đức H1 không yêu cầu chị Hoàng Thị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Vàng Đức H1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng, được biết: Chị Hoàng Thị H và anh Vàng Đức H1 về chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh H1 và chị H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017, chị H đã

bỏ nhà đi và sống ly thân với anh H1 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không hợp nhau, bất đồng quan điểm nên anh chị thường xuyên xảy ra việc cãi chửi nhau. Kể từ khi chị H bỏ nhà đi, cháu V1 Vũ Huy sinh sống cùng với anh H1 và do anh H1 chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến nay.

Tại biên bản xác minh lập ngày 10/7/2026, UBND xã P Sủ xác nhận anh Vàng Đức H1 và chị Hoàng Thị H không có đăng ký đăng ký kết hôn tại UBND xã theo quy định.

Toà án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của pháp luật và đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay các bên đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó HĐXX quyết định tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang tại phiên tòa phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi nghị án và nội dung vụ án như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 8 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14; khoản 5 Điều 16, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H.
2. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị H và anh Vàng Đức H1.
3. Về con chung: Giao cháu Vàng Vũ H2, sinh ngày 03/03/2011 cho anh Vàng Đức H1 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị Hoàng Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.
4. Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét.

5. Về án phí: Chị Hoàng Thị H được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Anh Vàng Đức H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Hoàng Thị H có đơn yêu cầu được ly hôn với anh Vàng Đức H1 và đề nghị giải quyết về con chung. Chị Hoàng Thị H và anh Vàng Đức H1 không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Căn cứ vào Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung.

[2] Về thẩm quyền: Anh Vàng Đức H1 là người bị kiện có nơi cư trú tại xã P, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Hoàng Thị H và anh Vàng Đức H1 tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, từ năm 2017 hai bên sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Kết quả xác minh tại địa phương cũng thể hiện các bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Đồng thời, theo xác minh của Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Tuyên Quang, chị H và anh H1 không đăng ký kết hôn. Việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng sau ngày 03/01/1987 mà không đăng ký kết hôn không làm phát sinh quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016. Do đó, có căn cứ để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị H và anh Vàng Đức H1.

[4] Về con chung: Chị Hoàng Thị H và anh Vàng Đức H1 có 03 con chung là cháu Vàng Thị L, sinh năm 1999, cháu Vàng Thị V, sinh năm 2002 và cháu Vàng Vũ H2, sinh ngày 03/03/2011. Hiện tại cháu V và cháu L đều đã thành niên và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, cả hai đều đã có gia đình riêng nên anh H1 và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Đối với cháu Vàng Vũ H2, sinh ngày 03/3/2011, mặc dù sinh trong thời điểm các đương sự không có đăng ký kết hôn nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất xác định là con chung. Theo khoản 1 Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có đủ căn cứ xác định cháu H2 là con chung của chị Hoàng Thị H và anh Vàng Đức H1. Các đương sự thống nhất, sau ly hôn anh H1 sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Vàng Vũ H2 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. HĐXX xét thấy là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về thăm nom và chăm sóc con chung: Chị Hoàng Thị H không vi phạm nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung nên không bị hạn chế về quyền này, chị H có quyền thăm nom con sau ly hôn theo quy định tại Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về tài chung và công nợ: Chị Hoàng Thị H và anh Vàng Đức H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[8] Xét đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, và phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Nguyên đơn chị Hoàng Thị H có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm. Chị Hoàng Thị H sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn theo Quyết định 50/QĐ-UBND, ngày 09/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh T. Chị Hoàng Thị H là người dân tộc Nùng theo Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ là đồng bào dân tộc thiểu số. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Hoàng Thị H được miễn án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn anh Vàng Đức H1 không phải chịu án phí theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[10] Quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị H và anh Vàng Đức H1 có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 9; Điều 14; Điều 15; Điều 51; Điều 53; khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung” với anh Vàng Đức H1.

2. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Hoàng Thị H và anh Vàng Đức H1 là vợ chồng.

3. Về con chung: Giao cháu Vàng Vũ H2, sinh ngày 03/3/2011 cho anh Vàng Đức H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H2 trưởng thành đủ 18 tuổi.

4. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hoàng Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

5. Về án phí: Chị Hoàng Thị H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Vàng Đức H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị H và anh Vàng Đức H1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND Khu vực 6 - Tuyên Quang;
- UBND xã Pà Vây Sủ, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu HS-BP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nông Thế Chiến